

NGHỀ DỆT CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở THANH HOÁ

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

Theo Tổng điều tra dân số năm 1999, dân tộc Mường có hơn 1,1 triệu người, sống tập trung ở các tỉnh Hoà Bình, Phú Thọ, Sơn La,... Ở Thanh Hoá người Mường có hơn 333.000 người, chiếm trên 11% dân số của tỉnh và khoảng 34% dân số của dân tộc Mường trong cả nước.

Người Mường tại Thanh Hoá cư trú khá tập trung ở các huyện Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành. Nơi ở của người Mường thường quanh các vùng thung lũng chân núi với lối canh tác ruộng nước, làm nương, chăn nuôi trâu bò, gà, lợn và thạo làm các nghề thủ công truyền thống như dệt vải, đan lát.

Trong xã hội Mường cổ truyền, qua bao đời, nghề dệt vải đã trở thành một nghề sản xuất quan trọng, tuy chưa tách ra khỏi nông nghiệp nhưng lại có vị trí hàng đầu trong các nghề thủ công truyền thống của người Mường. Đây là sản phẩm của văn hoá và cũng là thành quả lao động của cả một quá trình dài lâu trong lịch sử phát triển ở tộc người này.

1. Nguyên liệu dệt

Mọi sản phẩm vải vóc do người Mường dệt ra chủ yếu được làm từ sợi bông và một số là sợi tơ tằm. Muốn có sợi bông, sợi tơ tằm để dệt, người Mường phải trồng bông và trồng dâu nuôi tằm.

1.1. Trồng bông và chế biến bông thành sợi

Cây bông (*càl poông*) thường được trồng trên nương, nơi có độ ẩm và có trái nắng. Vào khoảng tháng 4 dương lịch, người

Mường bắt đầu chọn nơi đất tốt làm nương bông. Hạt giống bông được chọn từ vụ trước. Bà chủ nhà lấy tro bếp sàng thật mịn rồi đem trộn với hạt bông trong một cái mẹt; dùng chân đạp nhẹ lên các hạt bông trộn với tro, để tro bám đều vào hạt. Người Mường cũng chọn ngày tốt, theo quan niệm dân gian, để làm một lễ nhỏ gọi là *Thái đất*. Họ chặt một đoạn cây thêu dậu còn tươi đem nướng rồi chọc một vài lỗ tượng trưng xuống đất ở mảnh nương sẽ gieo hạt bông. Họ thì thầm khấn cho cây bông năm đó sai quả, sau đó mang đoạn cây thêu dậu về cắm ở đầu nhà, và năm sau lại lấy cây ấy để làm lễ lại. Khi gieo hạt bông, bà chủ nhà đi trước dùng một cây gậy vót nhọn để chọc lỗ; người con gái lớn theo sau và bỏ hạt vào các lỗ đó, nhưng không lấp đất. Ở Thanh Hoá có hai loại bông là bông cỏ và bông luôi rất được bà con ưa chuộng. Đây là loại bông tồn tại lâu đời, phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu miền núi. Ở Thanh Hoá, người Mường và người Thái đều trồng loại bông này.

Người Mường dùng một dụng cụ quay tay gọi là *ít bông* để tách hạt ra khỏi bông. Dụng cụ này là một khung bằng gỗ rộng 20-30 cm, cao 50 cm. Ở hai thanh gỗ dựng đứng song song có đục hai lỗ tròn để lắp hai trục gỗ bào nhẵn, tạo thành một kẽ hở song hạt bông không lọt qua được. Hai đầu phía ngoài của trục gỗ làm bánh răng khớp vào nhau; trục dưới có thêm một chiếc quay tay. Khi quay, hai bánh răng gỗ chạy đều làm cho trục trên cũng quay nhưng ngược chiều. Người ta đưa quả bông vào kẽ giữa hai trục đó, để sợi

bông được kéo đi, còn hạt rơi xuống. Bông cán xong, tuy có tơ nhưng chưa xếp. Muốn bông xếp phải mang đi *bật cung*.

1.2. Trồng dâu, nuôi tằm và chế biến tơ tằm

Người Mường ở Thanh Hoá sớm biết trồng dâu nuôi tằm để lấy tơ dệt vải. Tơ tằm là nguyên liệu chủ yếu để dệt thối lưng và cặp váy (*klóóc*) - bộ phận không thể thiếu được trong trang phục của phụ nữ Mường. Cây dâu được trồng ở các bãi đất ven suối - nơi đất màu mỡ và luôn ẩm. Việc trồng dâu nuôi tằm được mở rộng ở một số xã và một số huyện. Điều đó đã góp phần phục hồi nghề trồng dâu nuôi tằm ở Thanh Hoá.

Tơ tằm dùng làm thối lưng, làm cặp váy của phụ nữ Mường; vì thế, đây là chất liệu đặc biệt trong sản phẩm dệt của người Mường. Cùng với nghề trồng bông, nghề nuôi tằm lấy tơ của người Mường đã có từ lâu đời. Trước kia, hầu như gia đình nào cũng trồng dâu quanh nhà, ven bờ suối và nuôi một vài nong tằm. Ở Thanh Hoá có hai giống tằm là giống tằm Mường và giống tằm XF1 của Trung Quốc đã đưa vào Việt Nam từ những năm 70, nay được nuôi khá phổ biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có vùng Cẩm Thủy, Ngọc Lạc.

Để kéo tơ, người Mường thường đun một nồi nước sôi to và luôn để trên bếp trong quá trình kéo tơ. Sau đó, từng nắm kén được thả vào nồi. Người ta dùng một guồng quay tơ và một cái cặp giữ kén, rồi một tay giữ kén, một tay quay guồng kéo tơ ra. Muốn tơ nhỏ thì thả ít kén, kéo nhanh và đều tay; nếu kéo chậm, sợi tơ sẽ không đều. Cứ như vậy, tơ được kéo hết, chỉ còn lại trong nồi những con nhộng. Tơ kéo xong, người ta có thể giặt luôn và phơi

khô. Mỗi nong tằm có thể cho hơn một lạng tơ. Giống XF1 và loại giống mới sau này cho nhiều tơ hơn.

Sợi tơ tằm rút từ kén ra rất cứng, có màu vàng óng hoặc màu trắng. Muốn tơ mềm để có thể dệt và nhuộm các màu, theo phương thức truyền thống, người Mường hồ tơ tằm bằng cách đun nước nhựa đu đủ, để ầm già thì cho tơ vào ngâm khoảng 1 giờ. Còn hiện nay, người ta thường ngâm tơ vào nước xà phòng khoảng 2 ngày cho sợi tơ mềm ra.

2. Cách dệt

Để dệt vải, người Mường có hai loại khung cửi: khung cửi dệt vải và khung dệt cặp váy. Cả hai đều được gọi là *chường pại* (giường vải) và đều có cấu tạo tương đối giống nhau; chỉ khác là khung cửi dệt cặp váy gồm nhiều go hơn; hoa văn càng phức tạp hơn thì số go càng nhiều.

Để dệt vải thô, tức dệt trơn không có hoa, người ta phải dệt theo lối đan *nong mốt*, đó là gồm những sợi căng dọc theo chiều dài khung cửi gọi là tung (*canh*), đan với sợi ngang (*noọc*) do các thoi chuyển vận. Khi đã mắc sợi lên khung cửi, người phụ nữ Mường có thể bắt tay vào công việc dệt vải. Họ đập bàn đập cho 2 luồng sợi so le nhau lên, xuống. Nếu muốn hạ sợi xuống, người ta đập xuống, go phụ sẽ kéo một luồng sợi xuống thấp hơn so với vị trí của sợi được căng trên khung cửi. Khi đã đưa thoi qua, người dệt nhắc chân lên, kéo go chính về phía mình ngồi để đập sợi ngang và khít nhau. Mức độ kéo go chính đập sợi mạnh hay nhẹ là tùy thuộc vào ý định dệt vải dày hay mỏng thưa của người dệt. Khi làn sợi bị kéo xuống đã trở lại vị trí bình thường, người dệt đập vào bàn đập còn lại để hạ luồng sợi thứ hai xuống, lao thoi qua, kéo go chính đập sợi.

Người ta chuyển dịch đoạn tre mảnh, cong hình cung có hai đầu cắm vào hai mép vải từ dưới lên để giữ cho vải căng.

Dệt hoa : để dệt những mẫu hoa văn làm mặt *phà* (mặt chần) hay làm *klóók* (cạp váy), người ta cần có go hoa lắp vào một khung cửi khác. Dệt mặt *phà* cần một số go nhất định (7-10 go); nhưng dệt *klóók* đòi hỏi rất tỉ mỉ, công phu nên số go có khi lên đến 20-30 go. Người phụ nữ Mường dệt các mẫu hoa thường phải luồn từng sợi của go hoa qua dàn sợi trên khung cửi. Mỗi giá của go hoa được luồn qua hai sợi dọc rồi buộc vào giá treo phía trên. Sợi go này tiếp sợi go kia cho hết chiều dài của khổ vải (về cơ bản dệt hoa trên mặt chần cũng giống như dệt hoa trên cạp váy, song mặt chần có khổ rộng hơn).

3. Cây chàm và cách tạo màu cho vải

Để làm nguyên liệu cho nghề dệt người ta không thể bỏ qua cây chàm - loại cây chủ yếu nhất mà người Mường dùng để nhuộm vải thành màu chàm, tức màu phổ biến trong các màu sắc truyền thống của họ. Tên Latinh của chàm là indigofralinn. Đây là thứ cây được sử dụng rất phổ biến ở vùng đồng bào các dân tộc. Nhà người Mường thường có những mảnh nương trồng chàm. Theo ước tính, cứ 100m khổ 45cm thì cần một mảnh đất trồng chàm khoảng 30 m² để nhuộm.

Cây chàm của người Mường có hai loại. Một loại được trồng trên nương, lá dài, to. Loại chàm thứ hai được trồng ở dọc suối hoặc quanh nhà gọi là *hóm*, lá mượt, nhỏ hơn. Lá chàm hái về được ngâm vào các chum với độ nước xâm xấp. Người ta ngâm khoảng 4-5 ngày, thỉnh thoảng khuấy lên; khi lá chàm đã nát nhuyễn sẽ vắt lấy nước, để nước chàm lắng xuống rồi chắt lấy phần cốt chàm, hay còn gọi là cao

chàm, để dùng dần. Người Mường thường dùng cao chàm để nhuộm màu xanh, sau đó nhuộm tiếp tạo màu nâu đen và đen. Muốn nhuộm màu đỏ người Mường lấy cây *phang* chặt nhỏ đun kỹ, rồi cho sợi vào. Loại cây này hay được trồng quanh nhà làm hàng rào. Để tạo màu đen thì từ màu đỏ của vải (nhuộm bằng vỏ cây *phang*), người Mường ngâm vải đó vào bùn nhiều lần để tạo màu đen nâu sẫm; hoặc từ vải có màu chàm người ta lấy đun củ nâu băm nhỏ cho vải chàm vào đun. Màu vàng thường được tạo ra từ củ nghệ, quả vang. Muốn có màu trắng, người Mường để nguyên màu của sợi thô để may áo quần; hoặc dùng nhựa đu đủ hay nhựa quả xoan để khử màu ngà ngà của sợi thô cho chúng trở nên trắng. Màu truyền thống của người Mường là đen và trắng; ngoài ra màu xanh đen, đen nâu, màu vàng, đỏ, xanh lá mạ cũng là những màu người Mường ưa dùng trong trang phục của mình. Nói về cách nhuộm màu sắc, người Mường có câu tục ngữ:

“Muốn đen nhuộm đỏ

Muốn đỏ nhuộm phang

Muốn vàng nhuộm nghệ...”.

4. Hoa văn

Như đã trình bày, màu sắc truyền thống của người Mường là màu trắng (*mau klặng*) và màu đen (*mau giâm*). Đây là hai màu sắc chiếm vai trò chủ đạo trên vải dệt của người Mường. Điều này được thể hiện rõ trên mặt *phà* và trên cạp váy của họ. Các mặt *phà* truyền thống thường có hai màu đen - trắng và trên các nền cơ bản đó người ta dùng các màu vàng, xanh, đỏ, nâu để tạo ra những hoa văn hình hoa, lá, cây cỏ hay thú (hoẵng, nai, khỉ, voi và rồng...).

Trên cặp váy Mường có các hoa văn tiêu biểu của hoa văn mặt phà. Đây là sự vay mượn của hoa văn mặt phà Thái. Qua đó cho thấy có mối quan hệ giao lưu của văn hoá Thái với văn hoá Mường mà chúng ta cần quan tâm nghiên cứu.

Trên cặp váy Mường và trên mặt phà còn có nhiều hoạ tiết ô chéo, ngôi sao tám cánh, móc câu, chữ thập, hình ô vuông thủng. Mỗi mảng hoa văn chứa đựng nhiều hoạ tiết, thường có một hoạ tiết chính và các hoạ tiết phụ làm đường viền hoặc điểm vào các khoảng trống nhằm làm nổi bật hoạ tiết chính. Đặc điểm chính của nghệ thuật trang trí của hoa văn Mường là sự đa dạng và phong phú về chủ đề và hoa văn.

Hình ảnh động vật trên mặt thổ cẩm như mặt phà hay cặp váy không nhiều lắm và đều là những con vật gần gũi với cuộc sống thường nhật như ngựa, dê, chim, voi. Hình ảnh khỉ đuôi ngắn và đuôi dài rất hay gặp trên các mặt phà. Có một số hoạ tiết như hình sóng nước, hình móc, răng cửa không bao giờ được đặt làm hoạ tiết chính mà chỉ là hoạ tiết phụ, thường được dùng làm đường viền mép. Hoạ tiết hình răng cửa hay còn được gọi là hoạ tiết hình mào gà thường được dùng trong các hoa văn đơn giản và được điểm vào những hoa văn phức tạp trên mặt phà hay trên cặp váy.

Đặc điểm chung của các mẫu thổ cẩm của người Mường là sự kết hợp hài hoà giữa màu sắc và hoa văn. Mỗi tấm thổ cẩm thực sự là bức tranh sống động phản ánh đời sống, sinh hoạt của dân tộc Mường. Các màu sắc sáng, tối, nóng, lạnh được xử lý rất hài hoà trên nền chủ đạo là màu đen, trắng, tạo nên một phong cách riêng của bản sắc văn hoá Mường. Ví dụ,

cũng là hoa văn mặt phà của Thái và Mường, tuy có nhiều điểm cơ bản giống nhau về hoạ tiết song việc xử lý màu sắc lại có nhiều điểm khác nhau. Nếu trên mặt phà Thái rực rỡ với nhiều màu đỏ và xanh chàm thì mặt phà của người Mường lại trầm ấm với những màu sẫm đậm như màu đen, màu trắng, xanh sẫm, đỏ sậm.

5. Các loại sản phẩm

Sản phẩm dệt của người Mường đã tạo ra những đồ dùng bền đẹp có giá trị kinh tế và giá trị sử dụng trong đời sống của họ. Đó là các loại vải trắng để may quần áo, khăn màu, mặt phà và gối (*kell*). Đây là những sản phẩm thiết yếu trong đời sống gia đình mà người phụ nữ Mường nào cũng làm được. Những sản phẩm này còn gắn với tập quán của người Mường trong đám tang và đám cưới truyền thống.

Kell: Đây là loại gối to, có khung bằng tre, với chiều dài khoảng 30 cm, rộng 13 cm, cao 8 cm. Để làm gối, trước hết, người ta làm một khung tre, rồi bọc vải bên ngoài. Gối có hai ngăn vải nhỏ chia khối hộp chữ nhật này làm 3 phần theo chiều dài. Sau khi đã khâu một mảnh vải màu (hoặc vải thổ cẩm) bịt một đầu của gối, người ta nhồi lá mạ đã được phơi khô vào các ngăn gối rồi khâu bịt đầu còn lại.

Chăn (ổ): Chăn của người Mường có chiều dài khoảng 1m60, chiều rộng 90 cm. Để làm chăn, người ta trải bông đều giữa 2 lớp vải xô, sau đó khâu những đường khâu song song theo chiều dọc và ngang tạo nên những ô vuông để giữ cho bông không bị xô và khâu viền xung quanh. Trên mặt vỏ chăn thường là một tấm vải thổ cẩm gồm nhiều hoạ tiết được trang trí toàn bộ bề mặt vải (thường là chỉ một mặt có khâu tấm thổ cẩm).

Cạp váy (*klóók*): Đây là sản phẩm đặc biệt của nghề dệt thủ công truyền thống của người Mường - phần hoa văn duy nhất trên bộ trang phục của người phụ nữ Mường. Họ thường dệt rất cẩn thận từng cái cạp váy để dùng dần. Dệt xong, cạp váy được cất trong “trò ố”. Có chiếc cạp váy được truyền tới đời cháu vẫn dùng. Cạp váy thường được làm bằng tơ tằm, sợi mịn, bóng với các hoạ tiết hoa văn cầu kỳ như rồng, hoa sen, hươu nai...

6. Nghề dệt trong đời sống xã hội Mường

Sản phẩm dệt của người Mường không những có giá trị về kinh tế mà còn có ý nghĩa về xã hội, văn hoá. Theo phong tục từ cổ xưa, trước khi đi lấy chồng, ngoài công việc đồng áng và nội trợ, các cô gái từ tuổi 14,15 đã phải biết dệt vải, làm gối, làm chăn, màn. Khi về nhà chồng, họ phải có 10 chăn bông với mặt phà thật đẹp; một chiếc màn và 30 chiếc gối. Trong số này, phải có 2 chăn đẹp nhất, 2 gối (*đưa*) to đẹp để tặng bố mẹ chồng; ngoài ra phải làm nhiều chiếc cạp váy với hoa văn cầu kỳ và đẹp để vắt trên sào ở nơi buồng cưới. Đây là một biểu trưng cho sự tài đảm của cô dâu mới.

Trong tang lễ của người Mường ở Thanh Hoá, vải thô trắng được sử dụng rất nhiều. Số vải này đều do những người phụ nữ Mường làm ra. Nhà nào có bố mẹ già, đều phải lo việc dệt rất nhiều vải mộc trắng để phòng khi cha mẹ “quy tiên”. Người Mường quan niệm, vải dùng trong tang lễ là vải trắng do chính người phụ nữ trong gia đình tự dệt mới là hiếu đễ; nếu phải đi mua sẽ bị chê cười. Số vải làm đồ tang cho con cháu cũng rất lớn; vải mộc còn dùng để khâm liệm cho người chết. Người Mường ở Thanh Hoá có phong tục

phủ bên ngoài áo quan rất nhiều lớp vải trắng. Đó là số vải do con trai, con gái, con rể mang đến phúng viếng. Trong thực tế người Mường quan niệm vải vóc là một thứ của cải, biểu hiện sự giàu sang trong xã hội. Chiếc cạp váy là một vật dụng có giá trị kinh tế. Xưa kia, mỗi chiếc cạp váy đem bán sẽ thu về một số tiền tương đối lớn, có thể giải quyết được nhiều việc trong gia đình. Hiện nay, ở Ngọc Lạc mỗi chiếc cạp váy tơ tằm có giá khoảng 150-200.000 đồng (năm 2002). Nói tới nghề dệt truyền thống của người Mường ta không thể bỏ qua vị trí đặc biệt của người phụ nữ. Những sản phẩm của nghề dệt Mường gắn bó với họ từ thuở lọt lòng cho tới khi từ giã cuộc đời. Quần áo, đồ dùng bằng vải vóc được dùng cho mọi thành viên trong gia đình đều do bàn tay chuyên cần, khéo léo của người phụ nữ Mường làm ra. Toàn bộ quá trình từ trồng bông, nhặt bông, quay sợi cho đến lúc dệt thành vải đều do người phụ nữ Mường đảm nhiệm. Trong lĩnh vực này đàn ông Mường chỉ là người chế tác ra bộ công cụ dệt, đóng khung dệt.

Phụ nữ cũng chính là người truyền nghề cho con gái mình. Lúc 6-7 tuổi các bé gái đã bắt đầu làm quen với công việc dệt vải. Bài học đầu tiên là lúc các bé gái theo mẹ, theo chị đi hái bông, phơi bông, cán bông rồi tập rút sợi, quay sa. Khi tập dệt vải, các cô bé được mẹ, bà dạy từ dễ đến khó trong các công đoạn dệt: từ cách mắc sợi, đánh ống, xe chỉ đến dệt vải. Đây là một tập quán truyền thống của xã hội Mường, bởi việc dệt vải giỏi, dệt cạp váy đẹp là tiêu chuẩn về một cô gái Mường tài đảm, nét na. Vì thế, việc truyền nghề dệt cho con gái cũng trở thành một biểu hiện tốt đẹp của tộc người. Như vậy, họ đã góp phần bảo tồn một dạng thức văn hoá Mường đậm đà bản sắc dân tộc.

Trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, nghề thủ công truyền thống của người Mường mà tiêu biểu là nghề dệt đã có nhiều biến đổi. Các mối quan hệ của người Mường với các dân tộc anh em trong khu vực, sự hoà nhập của văn hoá Mường vào cuộc sống mới và thời đại công nghiệp đã chi phối mạnh mẽ đến nghề thủ công của người Mường. Có những vùng tưởng chừng như bóng dáng của nghề dệt, đan lát truyền thống không còn bởi vải vóc và các vật dụng sản xuất công nghiệp đã lấn át đồ thủ công. Những chiếc hòm sắt, hòm gỗ ở dưới xuôi đưa lên bán đã thế chỗ của chiếc *trò ổ*; chiếc mâm nhôm đã thay thế cái mâm *hè*... Đến các xóm người Mường ở Cẩm Quý, Cẩm Ngọc (Cẩm Thủy) vào năm 2001, chỉ còn thấy những người già mặc váy, áo truyền thống; còn thanh niên thì mặc quần áo theo kiểu dưới xuôi. Thực ra, hiện tượng này phổ biến ở nhiều vùng miền núi chứ không chỉ ở Thanh Hoá, vì loại hàng dệt công nghiệp, hàng may sẵn ở dưới xuôi đưa lên đẹp, rẻ, tiện lợi trong sinh hoạt đã tạo sức hút tự nhiên đối với lớp trẻ, khiến cho họ xa dần với các sản phẩm đồ dùng của dân tộc mình. Trong cuộc phỏng vấn tại xã Quang Trung, Ngọc Khê năm 2002 cho thấy 99% chị em cho rằng hàng may sẵn bằng vải công nghiệp (sợi nylon) đẹp, tiện lợi và rẻ hơn váy, áo tự may; hơn nữa, công để may một bộ váy áo mất khá nhiều thời gian. Điều đó cho thấy họ ưa chuộng và chấp nhận một cách tự nhiên sợi công nghiệp, quần áo công nghiệp vào cuộc sống của họ.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà nghề thủ công truyền thống, trong đó có nghề dệt ở mọi nơi đều đã bị mất đi. Trường hợp của người Mường ở các xã của huyện Cẩm

Thủy, Thạch Thành là một ví dụ. Mặc dù lớp thanh niên trẻ thích sử dụng hàng dệt công nghiệp, song chiếc váy Mường với *klóoc* đẹp cùng áo *pán*, khăn trắng thắt lưng xanh vẫn là bộ trang phục đẹp nhất được họ sử dụng với tất cả tình cảm trân trọng trong những buổi lễ hội và trong đám cưới. Đám tang của người Mường ở đây vẫn sử dụng rất nhiều đồ vải dệt mộc tự làm. Theo quan niệm đạo đức của xã hội Mường ở đây, phụ nữ biết dệt giỏi là người đảm đang và nết na. Vì vậy, nghề dệt của người Mường ở Thanh Hoá dù có biến đổi nhiều trong cơ chế thị trường nhưng vẫn tồn tại. Tại các phiên chợ ở Ngọc Lạc, Thạch Thành vẫn có một chỗ dành riêng cho các hàng vải mộc, sợi bông, mặt phà, cặp váy, gối...

*

* * *

Để phát triển nghề dệt truyền thống của người Mường ở Thanh Hoá, đòi hỏi sự quan tâm của nhiều ngành, nhiều cấp, để làm sao phát huy được tiềm năng vốn có. Vấn đề đầu tiên mang tính chất bền vững cho sự phát triển của nghề dệt ở đây là nguồn nguyên liệu tại chỗ. Vì thế, phải phục hồi những cơ sở trồng bông, trồng dâu, nuôi tằm và nhân rộng ra các xã khác trong huyện. Cần có kế hoạch, tổ chức những lớp truyền nghề cho lớp trẻ, nhất là các sản phẩm có giá trị kinh tế và văn hoá. Đặc biệt, phải có chủ trương liên kết với các khu du lịch giữa các huyện và trong tỉnh Thanh Hoá để tạo điều kiện cho sản phẩm dệt được gửi bán tại các khu du lịch và xa hơn là tại các cuộc triển lãm hàng hoá trong nước hay quốc tế.